

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV được đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/4/2021;

Căn cứ Công văn số 671/TKV-TCNS ngày 24/02/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV và phê duyệt sửa đổi điều lệ tương ứng với nội dung ngành nghề kinh doanh bổ sung mới như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
2	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
3	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
5	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
6	Chuẩn bị mặt bằng	4312
7	Cho thuê xe có động cơ	7710
8	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
9	Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn)	4633
10	Dịch vụ đóng gói (Chi tiết: Đóng chai đựng dung dịch lỏng, gồm đồ uống và thực phẩm; dán tem, nhãn và đóng dấu)	8292
11	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Lập đề án, báo cáo khai thác sử dụng tài nguyên bao	7490




STT	Tên ngành	Mã ngành
	gồm: lập đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt; Lập đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước dưới đất; Lập đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước biển)	

Lý do bổ sung ngành nghề kinh doanh:

Do nhu cầu phát triển kinh doanh và các dịch vụ kèm theo tại Trung tâm Khoáng nóng địa chất cũng như để chủ động trong việc sửa chữa các thiết bị đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và cung ứng ra bên ngoài. Ngoài ra, nhằm khai thác triệt để, hiệu quả năng lực thiết bị chuyên dùng hiện có, phù hợp kế hoạch huy động thiết bị trong từng kỳ sản xuất. Để tận dụng thiết bị hiện có của Công ty, Công ty có kế hoạch cho thuê các thiết bị này và triển khai cung cấp thêm dịch vụ giải phóng mặt bằng để tạo thêm phần doanh thu cho Công ty cũng như nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc bổ sung các ngành, nghề kinh doanh có mã nêu trên cho Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV là quan trọng và cần thiết để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng/. 

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;
- Bộ phận CNTT (Đăng trên Website);
- Lưu T.ký; Hồ sơ Đại hội.



Vũ Văn Khấn



Số: 353 /BC-ĐCM

Cám Phá, ngày 14 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật của nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu chính trong báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán như sau:

Phần thứ nhất:
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: Đồng VN

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2021	01/01/2021
*	TÀI SẢN		275.248.234.550	343.493.374.980
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	182.820.294.131	235.286.834.337
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1.818.133.931	2.978.115.164
1	Tiền	111	1.818.133.931	2.978.115.164
2	Các khoản tương đương tiền	112		
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	174.872.577.466	221.765.193.671
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	165.228.065.602	216.317.353.226
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	328.639.529	176.814.529
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		4.345.304.188
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	9.447.716.023	1.108.075.641
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(131.843.688)	(182.353.913)
IV	Hàng tồn kho	140	3.724.727.235	5.682.365.221
1	Hàng tồn kho	141	3.724.727.235	5.682.365.221

TT	Chi tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2021	01/01/2021
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	2.404.855.499	4.861.160.281
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.364.025.856	4.861.160.281
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	40.829.643	
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	92.427.940.419	108.206.540.643
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	26.206.481	1.521.796.248
1	Phải thu dài hạn khác	216	26.206.481	1.521.796.248
2	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		
II	Tài sản cố định	220	81.722.305.408	95.764.428.541
1	Tài sản cố định hữu hình	221	78.941.616.266	92.753.068.442
-	Nguyên giá	222	319.720.326.289	320.281.193.312
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223	(240.778.710.023)	(227.528.124.870)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		
3	Tài sản cố định vô hình	227	2.780.689.142	3.011.360.099
-	Nguyên giá	228	5.824.628.727	5.722.318.663
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229	(3.043.939.585)	(2.710.958.564)
III	Bất động sản đầu tư	230		
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	2.658.000	1.390.118.363
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.658.000	1.390.118.363
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		
1	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		
2	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		
VI	Tài sản dài hạn khác	260	10.676.770.530	9.530.197.491
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	10.676.770.530	9.530.197.491
*	NGUỒN VỐN		275.248.234.550	343.493.374.980
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	164.163.371.915	229.781.499.543
I	Nợ ngắn hạn	310	154.111.513.425	216.069.475.381
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	28.909.889.354	67.339.436.434
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10.983.007.383	17.299.054.277
4	Phải trả người lao động	314	25.195.641.568	28.074.884.271



TT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2021	01/01/2021
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	303.362.142	335.073.417
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7	Phải trả ngắn hạn khác	319	8.486.883.841	8.804.239.671
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	63.573.032.762	76.923.618.489
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16.659.696.375	17.293.168.822
II	Nợ dài hạn	330	10.051.858.490	13.712.024.162
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		
2	Dự phòng phải trả dài hạn	342	10.051.858.490	13.712.024.162
D	NGUỒN VỐN SỞ HỮU	400	111.084.862.635	113.711.875.437
I	Vốn chủ sở hữu	410	111.084.862.635	113.711.875.437
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	108.000.000.000	108.000.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	108.000.000.000	108.000.000.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	399.573.116	399.573.116
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.685.289.519	5.312.302.321
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	2.685.289.519	5.312.302.321
5	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1	Nguồn kinh phí	431		
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		

Phần thứ hai:
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: ĐồngVN

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			Năm 2021	Năm 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	282.645.387.617	396.752.785.605

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			Năm 2021	Năm 2020
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	282.645.387.617	396.752.785.605
4	Giá vốn hàng bán	11	244.667.591.380	345.788.450.717
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	37.977.796.237	50.964.334.888
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.580.680	8.675.485
7	Chi phí tài chính	22	2.304.249.146	3.039.877.240
-	Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.304.249.146	3.039.877.240
8	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-
9	Chi phí bán hàng	25	-	-
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32.623.282.045	40.639.995.958
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3.058.845.726	7.293.137.175
12	Thu nhập khác	31	1.319.249.762	261.551.961
13	Chi phí khác	32	725.239.757	659.560.188
14	Lợi nhuận khác	40	594.010.005	(398.008.227)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3.652.855.731	6.895.128.948
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	967.566.212	1.582.826.627
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.685.289.519	5.312.302.321
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	249	492

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BQLĐH (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Khẩn

Số: 354 /TTr-ĐCM

Cám Pha, ngày 04 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc: Phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước về việc phân phối lợi nhuận:

- Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ công văn số /TKV- KS ngày tháng năm 2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; Điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh, lợi ích của cổ đông, người lao động trong Công ty, Hội đồng Quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đ)	Ghi chú
I	Lợi nhuận trước thuế	3.652.855.731	
1	Trích nộp thuế TNDN	967.566.212	
II	Lợi nhuận sau thuế	2.685.289.519	
1	Chia cổ tức: 1,0% vốn điều lệ	1.080.000.000	
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích khoản 1:	1.605.289.519	
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển:	0	
2.2	Quỹ thưởng Người quản lý Công ty (0,5 tháng lương)	49.500.000	



STT	Nội dung	Số tiền (đ)	Ghi chú
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.555.789.519	
-	<i>Quỹ khen thưởng (50%)</i>	777.894.760	
-	<i>Quỹ phúc lợi (50%)</i>	777.894.759	

Kính trình Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS ;
- ĐU, CĐ, ĐTN;
- GD, Các PGĐ, KTT;
- Cổ đông của Công ty;
- Phòng CĐVT (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Khấn



Số: 355 /BC-ĐCM

Cẩm Phả, ngày 04 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021; Kế hoạch chi trả năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

1. Chi trả tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2021

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV; Căn cứ kết quả thanh quyết toán chi phí năm 2021 của Công ty với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2021 được chi trả như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	353,496		353,496	
	- Chủ tịch HĐQT	1	80,184		80,184	
	- TV. HĐQT	4	273,312		273,312	
2	Ban Kiểm soát	3	208,104		208,104	
	- Trưởng ban	1	71,448		71,448	
	- TV. BKS	2	136,656		136,656	
	Tổng số		561,60		561,60	

2. Đề xuất mức chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Căn cứ kế hoạch SXKD của Công ty năm 2022 đã được TKV thông qua tại văn bản số 6050/TKV-KH ngày 27/12/2021, Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 và Quy chế quản lý lao động và tiền lương ban hành kèm theo quyết định số 685/QĐ-TKV ngày 23/4/2019 của TKV để xây dựng tiền lương, mức thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2022 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	05	326,304		326,304	
-	Chủ tịch HĐQT	01	74,016		74,016	
-	Thành viên HĐQT	04	252,288		252,288	
2	Ban Kiểm soát	03	192,096		192,096	
-	Trưởng ban kiểm soát	01	65,952		65,952	
-	TV. Ban kiểm soát	02	126,144		126,144	
	Tổng số		518,400		518,400	

Phương thức chi trả:

- Tiền lương, thù lao tháng = Tiền lương, thù lao năm /12 tháng;
- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, Ban lãnh đạo điều hành Công ty được tạm ứng không quá 80% mức tiền lương, thù lao tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.
- Mức thù lao và tiền lương nêu trên thay đổi khi pháp luật và Tập đoàn có quy định khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Văn phòng đăng trên Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Khản



Số: 356 /ĐCM-BKS

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

**Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021- Phương hướng nhiệm vụ năm 2022 ;
Đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị,
Giám đốc Công ty năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Địa chất mỏ -TKV

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 14 thông qua ngày 17/6/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ -TKV.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 các nội dung như sau:

I. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021:

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm soát năm và hàng quý đã triển khai kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ được giao. Cụ thể:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị thông qua việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT tuân thủ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các quy định của Nhà nước;

- Giám sát hoạt động của Giám đốc công ty thông qua việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty thuộc quyền hạn của Giám đốc được quy định tại điều lệ công ty và quy chế hoạt động của HĐQT;

- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2021; Xem xét việc ban hành các quy chế quản lý nội bộ, cơ chế, quy định nội bộ của Công ty trong năm 2021 phù hợp với quy định hiện hành của TKV và nhà nước;

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, báo cáo tài chính năm 2021; Báo cáo đại hội cổ đông thường niên năm 2022; Các báo cáo tình hình kinh doanh và một số báo cáo khác của công ty; Kiểm soát các lĩnh vực quản lý tài chính công nợ, vật tư, đầu tư, sửa chữa lớn, thanh lý TSCĐ, công tác cán bộ, tái cơ cấu... Sau mỗi kỳ kiểm soát đều có biên bản làm việc nêu các ý kiến kiến nghị, cảnh báo hoặc trao đổi trực tiếp với Lãnh đạo và phòng chuyên môn có liên quan để Công ty hoàn thiện, rút kinh nghiệm;

- Các thành viên Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT; các cuộc họp sơ, tổng kết của công ty để nắm bắt kịp thời các thông tin và giải quyết các công việc có liên quan đến nhiệm vụ của BKS. Tại các cuộc họp





BKS đều có ý kiến đóng góp kịp thời và thực hiện giám sát việc thực hiện các chỉ đạo, kiến nghị của Cổ đông.

- Thực hiện lựa chọn danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC hàng năm của Công ty để trình ĐHĐCĐ thông qua; Phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về nội dung kết luận kiểm toán; Giám sát Công ty thực hiện các kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra; các kết luận thanh kiểm tra của các đoàn kiểm tra khác (nếu có);

- Thực hiện lập các báo cáo định kỳ theo quy định đối với BKS báo cáo trước ĐHĐCĐ và cổ đông lớn (Tập đoàn TKV) đúng thời hạn và nội dung yêu cầu.

Đánh giá chung: Trong năm 2021, Các thành viên Ban kiểm soát luôn nỗ lực bám sát chức năng nhiệm vụ của Ban, linh hoạt áp dụng các hình thức giám sát trực tiếp/gián tiếp phù hợp với điều kiện dịch bệnh covid 19 để giám sát các hoạt động của Công ty nhằm phát hiện cảnh báo những rủi ro tiềm tàng, góp phần đảm bảo cho hoạt động của Công ty giảm thiểu rủi ro và tuân thủ quy định của cấp trên, Nhà nước. Năm 2021 Ban kiểm soát công ty đã thực hiện hoàn thành chức năng nhiệm vụ theo quy định.

Tồn tại:

Do ảnh hưởng khách quan của dịch bệnh covid 19 trong cả năm 2021 phải thực hiện giám sát gián tiếp nhiều, đồng thời nhân sự BKS chủ yếu là kiêm nhiệm do vậy mức độ thực hiện các hoạt động kiểm soát của BKS đôi khi chưa được kết quả như mong muốn.

II. Đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty năm 2021:

1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:

Năm 2021 Hội đồng quản trị công ty đã thường xuyên chỉ đạo các hoạt động của công ty thông qua việc ban hành các nghị quyết phù hợp với tình hình thực tế của công ty, để sản xuất kinh doanh có lợi nhuận, mang lại hiệu quả cho Công ty và các Cổ đông.

Đã tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2021 đầy đủ nội dung theo quy định. Sau đại hội đã sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty.

Trong năm Hội đồng Quản trị đã thực hiện 25 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản; ban hành 25 Nghị quyết; 16 Quyết định ban hành các quy chế, quyết định liên quan đến công tác tổ chức LĐTL, quy hoạch cán bộ, công tác tái cơ cấu, sắp xếp cán bộ; công tác nhân sự HĐQT theo quyết định của TKV. Công tác tài chính, kế hoạch/ điều chỉnh: kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư XDCB năm 2021, thanh xử lý TSCĐ và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị.

Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc công ty triển khai thực hiện.

Các Biên bản họp, Nghị quyết của HĐQT có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành hợp lệ đúng thẩm quyền.

+ Các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ và đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ của công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Chủ tịch HĐQT công ty thực hiện chế độ báo cáo của người đại diện phần vốn tại công ty về TKV kịp thời, đầy đủ theo quy định.

Đánh giá chung: năm 2021 HĐQT đã thực hiện đúng theo quyền hạn, chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của Pháp luật.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Giám đốc Công ty:

- Giám đốc và Ban giám đốc đã bám sát các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT, Điều lệ hoạt động của Công ty, các quy chế quy định quản trị nội bộ để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý và hiệu quả, nhằm đảm bảo mang lại lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và các Cổ đông của công ty.

- Giám đốc công ty đã chỉ đạo các phòng chức năng xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ để ban hành về công tác tổ chức, công tác giao khoán, các quy định về quản lý nội bộ phù hợp và đưa ra những giải pháp hợp lý trong điều hành và tổ chức sản xuất phù hợp với tình hình hoạt động của công ty trong từng giai đoạn để sản xuất kinh doanh năm 2021 có hiệu quả.

- Thực hiện đúng quy định của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, công khai, minh bạch.

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2021

Căn cứ kết quả thẩm tra báo cáo tài chính và các báo cáo có liên quan, Ban kiểm soát xác nhận số liệu thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2021 do HĐQT, Giám đốc điều hành so với Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHCĐ 2021	NQ/KH điều chỉnh	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ % Thực hiện/ NQ năm 2021	Tỷ lệ % Thực hiện/ KHĐC năm 2021
1. Chỉ tiêu hiện vật:						
- Khoan TD	mét	64.000	55.000	54.635	85,4	99,3
- Khảo sát	ha	16.500	16.950	17.771	107,7	104,8
2. Doanh thu	Tỷ đồng	315.130	281.000	283.973	90,1	101,1
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6.200	2.500	3.653	50,9	146,1
4. Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	>= 2		1,0	50,0	
5. ĐTXDCB	Tỷ đồng	15.716	12.427	7.970	50,7	64,1
6. Lao động bình quân	Người	745	745	728	100	97,7
7. Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	9.298	9.041	9.191	98,9	101,7

30

Nhận xét: Trong năm 2021, do ảnh hưởng các nguyên nhân khách quan như dịch bệnh covid, thay đổi chế độ nguồn vốn thăm dò khảo sát,.. dẫn đến thiếu việc làm, khối lượng và giá trị sụt giảm so kế hoạch/NQ ĐHĐCĐ, nên các chỉ tiêu chính đều không đạt kế hoạch và nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra: Doanh thu đạt 90,1%; Lợi nhuận đạt: 50,9%; Đầu tư XDCB chỉ đạt 50,7%; Tiền lương bình quân đạt 9.191 ngàn đồng/ng/th bằng 98,9% NQĐHĐCĐ; Tỷ lệ chi trả cổ tức nếu được ĐHĐCĐ thông qua 1% chỉ đạt 50% KH.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát được thực hiện hiệu quả. Các phòng ban trong công ty, đã phối hợp cung cấp tài liệu theo yêu cầu tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Năm 2021 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào của các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của công ty về việc liên quan đến HĐQT và Ban giám đốc điều hành.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và giám sát các mặt hoạt động quản lý của HĐQT, Ban giám đốc điều hành công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV trong năm 2021. Ban kiểm soát công ty báo cáo Đại hội.

III. Đề xuất kiến nghị và phương hướng nhiệm vụ năm 2022

1. Tổng hợp các kiến nghị của Ban kiểm soát:

Trong năm 2021: Ban Kiểm soát Công ty đã tổ chức các cuộc kiểm tra, kiểm soát hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2021. Trong năm BKS đã tổ chức họp 07 phiên để thống nhất các nội dung về kế hoạch kiểm soát năm, kết quả kiểm soát hàng quý,..

Ban Kiểm soát đã đưa ra những nhận xét kiến nghị như sau:

Thông qua kết quả kiểm soát tại Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV về hoạt động sản xuất kinh doanh, thăm tra báo cáo tài chính năm 2021. Ban kiểm soát Công ty đánh giá công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty về cơ bản đã thực hiện theo quy định của TKV. Trong năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19 và do thiếu việc làm, Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đầu năm (chỉ hoàn thành kế hoạch điều chỉnh), Công ty đã bảo toàn được vốn, có lợi nhuận sau thuế TNDN là 2.685 triệu đồng.

*** Kiến nghị: BKS đề nghị Công ty:**

- Công ty cần rà soát kiểm kê vật tư tồn trên các tổ khoan tại ngày 31/12 hàng năm để thực hiện hạch toán nhập kho, giảm chi phí sản xuất (giá vốn), phản ánh đúng giá trị tồn kho vật tư, chi phí, lợi nhuận năm, tránh rủi ro về thuế thu nhập doanh nghiệp khi Cơ quan thuế thanh kiểm tra.

- Công ty tiếp tục rà soát để hoàn thiện các hồ sơ còn thiếu của các Dự án đầu tư đã thực hiện đến nay, để đảm bảo đầy đủ hồ sơ theo quy định tránh rủi ro về thuế, phí và việc chấp hành các quy định hiện hành của Nhà nước trong các lĩnh vực quản lý.

30

- Chủ động rà soát các hồ sơ mua sắm vật tư, thuê ngoài, ĐTXD, SCL TSCĐ,.. để hạn chế các sai sót, rủi ro (nếu có) trong hoạt động SXKD của Công ty;

- Rà soát các quy chế/quy định đã ban hành để sửa đổi bổ sung cho phù hợp các quy chế/quy định/hướng dẫn của TKV và Nhà nước đã ban hành như: Quy chế Quản lý tài chính, từ đó sửa đổi các quy chế quản lý công nợ, Thuê ngoài, Quy định về lựa chọn Nhà cung cấp hàng hóa sản phẩm, dịch vụ không thuộc dự án đầu tư trong Công ty, ..;

- Đối với vật tư chậm luân chuyển tại Công ty và Chi nhánh XN ĐC ĐT, đề nghị Công ty sớm có phương án xử lý để tránh tình trạng ứ đọng vốn.

- Công ty cần tiếp tục có các biện pháp để sớm thu hồi khoản công nợ phải thu khó đòi còn lại;

- Đề nghị Công ty thường xuyên rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật, để ban hành bổ sung các định mức cho phù hợp,... đảm bảo quy định của Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp, hiện nay là Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính;

- Về công tác quản lý đất đai: Đề nghị Công ty chủ động rà soát lại toàn bộ diện tích đất đai đang sử dụng, không có nhu cầu sử dụng, hợp đồng thuê đất, thời hạn nộp/tạm nộp tiền thuê đất,... theo các văn bản chỉ đạo của TKV và địa phương nhằm đảm bảo việc thực hiện việc quản lý đất đai theo đúng quy định của Luật đất đai;

- Đề nghị Công ty rà soát sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2021-2025 cho phù hợp.

- Công ty cần nâng cao chất lượng hệ thống kiểm soát nội bộ để đảm bảo các hoạt động SXKD của Công ty được tuân thủ theo quy định của TKV và Nhà nước.

2. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2022:

*** Phương hướng chung:**

- Tiếp tục phát huy vai trò của BKS: thực hiện quyền thay mặt cổ đông để giám sát, kiểm soát hoạt động của HĐQT, BGD; hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của ĐHĐCĐ, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật DN, điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của BKS;

- Ban kiểm soát phấn đấu nghiên cứu, hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn hơn nữa để đảm bảo hoạt động của BKS vừa có tính tư vấn, giám sát bảo vệ tối đa lợi ích của các cổ đông và không ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

**** Một số nhiệm vụ cụ thể:**

(1). Giám sát các hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của HĐQT, các Quy chế, Quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty do HĐQT Công ty ban hành.



Số: 357/ĐCM - BKS

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ -TKV

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Địa chất mỏ -TKV

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Địa chất mỏ -TKV.
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ -TKV như sau:

1. Công tác hạch toán kế toán:

- Việc ghi chép, hạch toán kế toán được thực hiện đúng theo Chế độ kế toán của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/1/2017 của Tập đoàn TKV v/v Quy định tạm thời về biểu mẫu Báo cáo tài chính và Báo cáo quản trị áp dụng trong TKV.

- Theo ý kiến của Ban kiểm soát, xét trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính 2021 của Công ty CP Địa chất mỏ -TKV. Báo cáo tài chính năm 2021 được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Về số liệu báo cáo tài chính năm 2021:

Ban Kiểm soát công ty thống nhất với số liệu báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 do Công ty lập và đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán tại báo cáo số 15/2022/BCKT-PKF.VPC ngày 08/3/2022. Cụ thể:

2.1 Số liệu Bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31/12/2021 như sau:

ĐVT: VN đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	C	I	2
A	Tài sản ngắn hạn	100	182.820.294.131	235.286.834.337
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1.818.133.931	2.978.115.164
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		



3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	174.872.577.466	221.765.193.671
4	Hàng tồn kho	140	3.724.727.235	5.682.365.221
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	2.404.855.499	4.861.160.281
B	Tài sản dài hạn	200	92.427.940.419	108.206.540.643
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	26.206.481	1.521.796.248
2	Tài sản cố định	220	81.722.305.408	95.764.428.541
	Tài sản cố định hữu hình	221	78.941.616.266	92.753.068.442
	Tài sản cố định thuê tài chính	224		
	Tài sản cố định vô hình	227	2.780.689.142	3.011.360.099
3	Bất động sản đầu tư	230		
4	Tài sản dở dang dài hạn	240	2.658.000	1.390.118.363
5	Đầu tư tài chính dài hạn	250		
6	Tài sản dài hạn khác	260	10.676.770.530	9.530.197.491
	Tổng cộng tài sản (270= 100 + 200)	270	275.248.234.550	343.493.374.980
C	Nợ phải trả	300	164.163.371.915	229.781.499.543
1	Nợ ngắn hạn	310	154.111.513.425	216.069.475.381
2	Nợ dài hạn	330	10.051.858.490	13.712.024.162
D	Vốn chủ sở hữu	400	111.084.862.635	113.711.875.437
I	Vốn chủ sở hữu	410	111.084.862.635	113.711.875.437
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	108.000.000.000	108.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	108.000.000.000	108.000.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418	399.573.116	399.573.116
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.685.289.519	5.312.302.321

570
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TKV
T.QU

2

	- LNST chưa PP kỳ này	421b	2.685.289.519	5.312.302.321
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
	Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440	275.248.234.550	343.493.374.980

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021:

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2021
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VII.1	282.645.387.617
2. Các khoản giảm trừ Doanh thu	2	VII.2	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		282.645.387.617
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	244.667.591.380
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		37.977.796.237
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	8.580.680
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VII.5	2.304.249.146
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.304.249.146
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8a	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8b	32.623.282.045
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.058.845.726
11. Thu nhập khác	31	VII.6	1.319.249.762
12. Chi phí khác	32	VII.7	725.239.757
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		594.010.005
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.652.855.731
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VII.10	967.566.212
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	VII.11	2.685.289.519
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		249
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		

1436803
 G TY
 H AN
 T MO
 AN G NI

20

3. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2021:

Năm 2021 các chỉ tiêu khả năng thanh toán nợ của Công ty đều đạt chỉ tiêu phê duyệt của HĐQT và thông báo của TKV, tuy nhiên các chỉ tiêu về lợi nhuận giảm so kế hoạch do doanh thu giảm 10,3% so với kế hoạch đầu năm, cụ thể:

- Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: 1,19 lần, so KH 1,1 lần, tăng 0,09 lần. So với năm 2020 (1,09 lần) tăng 0,10 lần.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 1,33 lần so KH 1,83 lần, giảm 0,5 lần. So với năm 2020 (1,87 lần) giảm là 0,54 lần.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE): Thực hiện năm 2021 là 3,25 %, so với năm 2020 (6,08 %) giảm 2,83 %

- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA): Thực hiện năm 2021 là 1,18 % , so với năm 2020 (2,11 %) giảm (0,93)%;

Năm 2021 Công ty đã bảo toàn được vốn: Vốn chủ sở hữu cuối năm: 111.084.862.635 đồng, trong đó: Vốn điều lệ 108.000.000.000 đồng. Quỹ ĐTPT: 399.573.116 đồng; Lợi nhuận sau thuế năm 2021 chưa phân phối: 2.685.289.519 đồng.

Trên đây là kết quả Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV. Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng Cổ đông công ty./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ (B/c);
- Tập đoàn TKV (B/c);
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Lê Thị Kim Dung



Số: 358 /TTr-BKS

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính
của Công ty CP Địa chất mỏ - TKV năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Địa chất mỏ -TKV

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Địa chất mỏ -TKV;
Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Địa chất mỏ -TKV;
Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của công ty như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là Công ty kiểm toán đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022.
- Là công ty kiểm toán độc lập có uy tín về chất lượng kiểm toán, có nhiều kinh nghiệm kiểm toán lĩnh vực hoạt động của TKV và Công ty; Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

2. Danh sách công ty kiểm toán độc lập đề xuất:

- (1) Công ty TNHH PKF Việt Nam, có Trụ sở chính: Số 01 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- (2) Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, có Trụ sở chính: Số 01- Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- (3) Công ty TNHH Kiểm toán VACO, có Trụ sở chính Tầng 12A, Tòa nhà Tổng công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Với các tiêu chí và danh sách đề xuất nêu trên, Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Địa chất mỏ -TKV thông qua và giao cho Giám đốc công ty tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán, ký kết hợp đồng kiểm toán để tổ chức thực hiện theo quy định.

Kính trình và xin ý kiến Đại hội./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ (b/c);
- Lưu: VT, BKS.

TM.BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Lê Thị Kim Dung